TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-01-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Ông Phạm Công Hạ

- T ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Anh - T ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1989; căn cước công dân số 031189001857; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố 3, phường L, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố D, phường L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1988; căn cước công dân số 031088009379; nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2025 và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành, huyện Thuỷ Nguyên (nay là phường Lê Ích Mộc), thành phố Hải Phòng vào năm 2011. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm, lối sống. Năm 2019 anh T phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý và bị xử phạt 08 năm tù giam. Sau khi anh T ra tù mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, anh T ghen tuông vô cớ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng. Từ tháng 5 năm 2022 chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở tại tổ dân phố Dưới, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng và hai bên đã sống ly thân. Nay chị H xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm giữa chị và anh T không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Bùi Nhật Dũng, sinh ngày 15/02/2014. Ly hôn, chị đề nghị Toà án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H xác định hai bên không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 13/11/2025, ngày 25/11/2025 bị đơn là anh Bùi Văn T trình bày: Anh và chị Lê Thị Thu H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành, huyện Thuỷ Nguyên (nay là phường Lê Ích Mộc), thành phố Hải Phòng vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại tổ dân phố 3, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống đến năm 2019 anh phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý và bị xử phạt 08 năm tù giam. Trong thời gian anh đi chấp hành án chị H vẫn thăm hỏi và động viên anh. Sau khi anh ra tù anh nghi ngờ chị H có quan hệ với người khác nên tình cảm vợ chồng xa cách, lạnh nhạt. Bản thân anh cũng đã cố gắng động viên, khuyên giải để níu giữ nhưng chị H không thay đổi và chị H cũng đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn con có đủ bố và mẹ nên chị H xin ly hôn anh không đồng ý mà vẫn mong muốn chị H cho anh thêm một cơ hội để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên là Bùi Nhật Dũng, sinh ngày 15/02/2014. Ly hôn anh đề nghị Toà án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T xác định hai bên không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Bùi Văn T. Giao con chung tên là Bùi Nhật Dũng, sinh ngày 15/02/2014 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Lê Thị Thu H và anh Bùi Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng, thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lê Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh Bùi Văn T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị Thu H và anh Bùi Văn T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu H và anh Bùi Văn T được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành, huyện Thuỷ Nguyên (nay là phường Lê Ích Mộc), thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống chị H cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm lối sống; vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị Thu H xin ly hôn với anh Bùi Văn T. Anh Bùi

Văn T mong muốn chị H cho anh cơ hội để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Căn cứ vào thực tế của quan hệ hôn nhân và quy định của pháp luật, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thu H đối với anh Bùi Văn T.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Bùi Văn T có 01 con chung tên là là Bùi Nhật Dũng, sinh ngày 15/02/2014. Khi ly hôn chị Lê Thị Thu H và anh Bùi Văn T đều có nguyện vọng được nuôi con. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện chị H và anh T đều có đủ điều kiện, khả năng và thời gian để chăm sóc con chung; con chung hiện đang khỏe mạnh phát triển bình Tờng, hiện con chung đang ở cùng với chị H có cuộc sống ổn định và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ vào tình hình thực tế và quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên là Bùi Nhật Dũng, sinh ngày 15/02/2014 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Lê Thị Thu H và anh Bùi Văn T trình bày để tự thỏa thuận không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Bùi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tờng vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Bùi Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên là Bùi Nhật Dũng, sinh ngày 15/02/2014 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho

đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Bùi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Lê Thị Thu H đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0005172 ngày 27 tháng 10 năm 2025. Chị Lê Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thu H và anh Bùi Văn T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 1, TP Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Lê Ích Mộc;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Linh

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thuỷ Nguyên;
- UBND phường Dương Quan, TPThủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Linh

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thuỷ Nguyên;
- UBND phường Dương Quan, TPThủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Linh

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thuỷ Nguyên;
- UBND phường Lập Lễ, TP Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nam Ninh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận Lê Chân;
- Ủy ban nhân dân phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (GCNKH 2014);
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Nam Ninh